

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc nghĩa trang
nhân dân huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-BGPMB ngày 09/3/2022; báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số

30/SXD-HTKTTĐ ngày 28/02/2022; báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 212/BC-SKHĐT ngày 22/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước.

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

5. Mục tiêu đầu tư dự án:

- Việc đầu tư xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước phục vụ cho việc di dời mồ mả trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án thuộc quy hoạch dọc tuyến Quốc lộ 19 (mới) trên địa bàn xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước và các dự án lân cận khác trên địa bàn huyện Tuy Phước. Đồng thời, đầu tư mở rộng nâng cấp tuyến đường có chiều dài khoảng 450m dẫn vào khu cải táng nhằm thuận tiện cho việc đi lại để triển khai đồng thời đồng bộ chung cho khu vực.

- Việc đầu tư xây dựng nhằm cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước tại Văn bản số 2763/UBND-KT ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước.

- Góp phần từng bước chỉnh trang đô thị cho phù hợp với kiến trúc – quy hoạch, cảnh quan đô thị và hạ tầng kỹ thuật.

6. Nội dung và quy mô đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 8,3ha. Bao gồm các hạng mục:

- San nền mặt bằng;
- Đường giao thông:
 - + Giao thông nội bộ;
 - + Giao thông đối ngoại;
- Thoát nước mưa;

6.1. San nền:

- San nền trên mặt bằng với diện tích khoảng 5,747 ha.

- Cao độ san nền theo thiết kế quy hoạch chi tiết được duyệt (cao độ thiết kế san nền cao nhất +29.51m, cao độ thiết kế san nền thấp nhất +3.53m), san gạt cục bộ bên trong từng phân khu, hướng dốc san nền từ Tây sang Đông.

- Phương pháp xác định khối lượng san nền: Chia lưới ô vuông cạnh dài 20m, độ chặt đầm nén yêu cầu của nền đắp là $K=0,90$

6.2. Hệ thống đường giao thông:

a) Đường trong Khu cải táng:

- Đường phân khu DS1, DS2 với tổng chiều dài $L = 456,7\text{m}$; lộ giới 7m.

- Đường phân lô DS3 – DS8, DS10 với tổng chiều dài $L = 810,5\text{m}$; lộ giới 3,5m.

- Đường phân nhóm DS9, DS11 – DS17 với tổng chiều dài $L = 515\text{m}$; lộ giới 1,5m.

- Thông số kỹ thuật:

+ Vận tốc tính toán: $V = 20\text{km/h}$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i = 2\%$.

- Kết cấu mặt đường:

+ Nền đường đắp đầm chặt K95.

+ Với đường $B_m < 3\text{m}$, lớp mặt đường bằng bê tông xi măng B20 (M250) đá 2x4 dày 12cm trên lớp bạt nilông.

+ Với đường $B_m \geq 3\text{m}$, lớp mặt đường bằng bê tông xi măng B20 (M250) đá 2x4 dày 20cm trên lớp bạt nilông.

b) Đường đối ngoại: Điểm đầu từ mỏ đá Yên Tùng đến Khu cải táng.

- Quy mô đường: Chiều dài 426m; chiều rộng nền đường $B_n = 6,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 5,5\text{m}$.

- Thông số kỹ thuật:

+ Vận tốc tính toán: $V = 20\text{km/h}$;

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i = 2\%$.

- Kết cấu mặt đường:

+ Mặt đường mở rộng: Nền đường đắp đầm chặt K98, lớp mặt đường bằng bê tông xi măng B20 (M250) đá 2x4 dày 20cm trên lớp bạt nilông.

+ Mặt đường bê tông xi măng hiện trạng: Bù vênh và đổ bê tông mặt đường B20 (M250) đá 2x4 dày 20cm.

6.3. Công trình thoát nước:

- Trong Khu cải táng.

+ Công ngang đường: Sử dụng công vuông kích thước (2x2)m và (2,5x2,5)m bằng bê tông cốt thép B22,5 (M300) đá $D_{\max} 20\text{mm}$.

+ Rãnh thoát nước dọc đường: Rãnh hở bằng bê tông B15 (M200) đá D_{max} 20mm với tổng chiều dài $L = 1507m$, kích thước bề rộng thoát nước 60cm, chiều sâu tối thiểu 60cm.

+ Rãnh thoát nước qua đường: Rãnh kín bằng bê tông cốt thép B15 (M200) đá D_{max} 20mm, tấm đan bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá D_{max} 20mm với tổng chiều dài $L = 38m$, kích thước bề rộng thoát nước 60cm, chiều sâu tối thiểu 60cm.

+ Rãnh thoát nước tam giác bằng bê tông B15 (M200) đá D_{max} 20mm dày 5m với $L = 1.019m$.

+ Xây dựng các cửa xả thoát nước từ rãnh dọc ra mương hở. Tường đầu, tường cánh xây dựng bê tông B20 (M250) đá D_{max} 40mm, sân công chân khay đổ bằng BT B15 (M200) đá D_{max} 40mm.

+ Xây dựng mương hở hình thang kích thước (3x1)m với $L = 694m$ bằng bê tông B15 (M200) đá D_{max} 40mm dày 12cm.

+ Xây dựng hố tiêu năng kích thước (15x3x3)m bằng bê tông cốt thép B20 (M250) đá D_{max} 40mm.

- Đường đối ngoại: Điềm đầu từ mỏ đá Yên Tùng đến Khu cải táng + Hoàn trả mương thủy lợi bằng bê tông B15 (M200) đá D_{max} 20mm với chiều dài hoàn trả $L = 340m$, kích thước bề rộng thoát nước 60cm. Xây dựng giằng mương bê tông cốt thép M250 đá D_{max} 20mm với khoảng cách 5m/ giằng.

+ Hoàn trả mương đất hình thang $L = 90m$ kết nối với hiện trạng.

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Bình Định lập, được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 30/SXD-HTKTTĐ ngày 28/02/2022)

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế giao thông Bình Định.

8. Địa điểm xây dựng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Phước An và xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

- Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất là 8,3ha.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật; dự án nhóm C; công trình cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Bình Định lập,

được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 30/SXD-HTKTTĐ ngày 28/02/2022.

11. Tổng mức đầu tư dự án: 23.999.946.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 10.475.252.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 276.261.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 739.520.000 đồng;
- Chi phí khác : 718.168.000 đồng;
- Chi phí bồi thường, GPMB : 10.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.790.799.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Thực hiện theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể:

- Vốn đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh.

- Vốn đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2022 tại Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chi phí bồi thường, GPMB có giá trị **10.000.000.000 đồng** (Mười tỷ đồng) đã được phê duyệt tại Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh khẩn trương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi tổ chức đấu thầu dự án.

16. Nội dung khác: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ ý kiến thẩm định và kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 30/SXD-HTKTTĐ ngày 28/02/2022 và kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo tổng hợp trình duyệt dự án; chịu trách nhiệm thực hiện Báo cáo định kỳ giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định và các nội dung liên quan khác theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng